

VỊNH BẮC BỘ TRONG QUAN HỆ VIỆT NAM-TRUNG QUỐC: LỊCH SỬ VÀ VẤN ĐỀ

NGUYỄN THỊ HẠNH*

Cũng như hầu hết các môi quan hệ của quốc gia ở châu Á, giữa Việt Nam và Trung Quốc luôn tồn tại vấn đề về biên giới lãnh thổ suốt từ quá khứ cho đến hiện tại. Tuy nhiên, phức tạp, đa dạng và khó giải quyết hơn ở nhiều quốc gia châu Á khác bởi sự liên quan của cả biên giới đất liền và biên giới biển, vấn đề biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc vừa là nguyên nhân và cũng vừa là hệ quả của những căng thẳng và xung đột trong mối quan hệ giữa hai nước. Một trong hai vấn đề có liên quan tới chủ quyền lãnh hải của Việt Nam và Trung Quốc ở Biển Đông chính là quá trình phân định biên giới ở Vịnh Bắc Bộ. Quá trình này kéo dài suốt từ thời kỳ thuộc địa cho tới ngày nay với sự góp mặt của các bên có liên quan: Việt Nam, Trung Quốc và Pháp, đồng thời nó cũng thể hiện đầy đủ tính chất phức tạp của vấn đề chủ quyền lãnh thổ trong mối quan hệ Việt Nam-Trung Quốc.

Vịnh Bắc Bộ, với diện tích khoảng 126.250 km², nằm ở phần Tây Bắc Biển Đông và là vịnh chung của Việt Nam và Trung Quốc. Với vị trí địa lý chiến lược, Vịnh Bắc Bộ được coi như cửa ngõ quan

trọng hướng ra biển và là một trong những đường giao thông biển huyết mạch hướng ra Thái Bình Dương. Bên cạnh tầm quan trọng của vị trí địa - chiến lược, Vịnh Bắc Bộ cũng có một nguồn tài nguyên hết sức phong phú và có giá trị kinh tế cao như nguồn thủy sản và đặc biệt là dầu khí.

Do sự giàu có về nguồn lợi thủy sản và sự tiện lợi của giao thông, cả ngư dân Việt Nam và Trung Quốc đã có mặt ở Vịnh Bắc Bộ từ rất sớm. Tuy nhiên, không có bất cứ một tài liệu nào ghi lại những hành động tuyên bố chủ quyền biển và đối với những hòn đảo ở khu vực này cho tới khi người Pháp áp đặt chế độ thực dân ở Việt Nam. Với những quan niệm phương Tây về chủ quyền lãnh hải, chính quyền Pháp ở Đông Dương đã làm thay đổi tính "nguyên trạng" (*statu quo*) từ trước đó, có những hành động khởi đầu cho quá trình phân định biên giới trên Vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc.

1. Công ước Pháp-Thanh năm 1887 với vấn đề phân định Vịnh Bắc Bộ

Ngay từ khi chính thức áp đặt ách thống trị lên đất nước Việt Nam năm 1884, chính

* TS. Khoa Lịch sử - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

phủ Pháp và nhà Thanh đã xúc tiến quá trình đàm phán phân định biên giới đất liền giữa Trung Quốc và Bắc Kỳ.

Đối với Pháp, việc có một Hiệp định phân định lại biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc với những quy tắc và luật pháp phương Tây là hết sức quan trọng và là điều kiện tiên quyết đối với việc áp đặt chế độ thống trị của họ ở Việt Nam. Vấn đề Vịnh Bắc Bộ cũng nằm trong mối quan tâm hàng đầu của chính phủ thuộc địa bởi tầm quan trọng và thực trạng của nó tại thời điểm bấy giờ. Có mặt và có những hành động khẳng định chủ quyền ở Vịnh Bắc Bộ từ rất sớm, song ở thời điểm này, do sự suy yếu về thực lực, chính quyền phong kiến Việt Nam không thể kiểm soát được khu vực này. Do đó, các đảo thuộc Vịnh Bắc Bộ trở thành nơi trú ẩn của những toán cướp biển thường xuyên tấn công những tàu buôn ngoài khơi xa và đe dọa cả những hoạt động thương mại ven bờ biển. Mặt khác, những vùng ven bờ biển Trung Quốc ngày càng trở thành nơi cư trú bất hợp pháp của những đối tượng sống ngoài vòng pháp luật mà nhà Thanh không thể kiểm soát nổi. Nhằm chấm dứt tình trạng đó và không muốn bị ảnh hưởng từ tình hình hỗn loạn phía Trung Quốc, Pháp muốn nhanh chóng phân định ranh giới giữa Việt Nam và Trung Quốc ở Vịnh Bắc Bộ. Chính vì vậy, vấn đề này đã được đề cập tới trong các cuộc đàm phán về phân định biên giới trên bộ giữa Pháp và nhà Thanh. Kết quả cuộc đàm phán được đề cập tới trong Khoản 3 của Công ước Pháp-Thanh ký ngày 26-6-1887 như sau:

“Ở Quảng Đông, những điểm tranh chấp nằm từ phía Đông đến phía Tây Bắc của Móng Cái, ngoài biên giới đã được hai phái bộ (Pháp và nhà Thanh) xác định, có thể coi là thuộc về Trung Quốc. Những hòn đảo

nằm ở phía Đông dọc đường kinh tuyến Paris 105°43' (1), có nghĩa là trục Bắc - Nam đi qua điểm phía đông của đảo Tch'a Kou hay Ouan-Chan (Trà Cổ) và làm thành đường biên giới, cũng thuộc về Trung Quốc. Các đảo Go-tho (Cỏ Tô) và các đảo khác nằm phía tây của đường kinh tuyến thuộc về An Nam” (2).

Đi kèm theo Công ước là 3 tấm bản đồ trong đó đường phân định Vịnh Bắc Bộ được thể hiện trong bản đồ phân định đường biên giới Quảng Đông với một đoạn ngắn đường bờ ở phía Bắc Vịnh Bắc Bộ, từ điểm cuối của đường biên giới trên đất liền ở Móng Cái xuống phía Nam theo đường kinh tuyến Paris 105°43'. Đoạn đường này không có điểm kết thúc và được kèm theo chú thích là *“tạo thành đường biên giới (formant la frontière)” (3).*

Sau khi Công ước được ký kết, chính phủ thuộc địa Pháp ngay lập tức tiến hành hàng loạt các hoạt động nhằm tiêu diệt các toán cướp biển và kiểm soát hoạt động của tàu thuyền nước ngoài qua lại khu vực này:

Ngày 28-5-1892, Toàn quyền Đông Dương ban bố Nghị định về thương mại và đánh cá ở Vịnh Bắc Bộ, Khoản 8 của Nghị định chỉ rõ: *“Những tàu cá đã đăng ký tại cảng của Trung Quốc khi tới vùng Vịnh Bắc Bộ phải khai báo tại trạm thu thuế ở Cát Bà để được cấp giấy phép hoạt động” (4).* Liên tiếp những năm sau đó, chính phủ Đông Dương ban hành hàng loạt các nghị định liên quan tới vấn đề lãnh hải thuộc Bắc Kỳ và Trung Kỳ đều khẳng định lại quy định bắt buộc của những tàu buôn hoặc tàu cá xuất phát từ Trung Quốc khi đi vào đến vùng biển thuộc Vịnh Bắc Bộ đều phải trình diện và xin giấy phép hoạt động của các cơ quan chức năng thuộc chính phủ thuộc địa như Nghị định được ban hành ngày 29-8-1895 (5), Công ước bổ sung ký

ngày 7-5-1896 (6)... Ngày 11-10-1899, Toàn quyền Đông Dương ban hành Nghị định, trong đó khoản 9 quy định cụ thể hơn về những hoạt động của tàu thuyền trên Vịnh Bắc Bộ: “*Những tàu cá mang quốc tịch Trung Quốc khi tới vùng lãnh hải thuộc Đông Dương ở Vịnh Bắc Bộ buộc phải qua trạm thuế ở Cát Bà để khai báo để có được giấy phép đánh cá*” (7).

Việc ban hành liên tục những Nghị định có liên quan tới hoạt động nghề cá ở Vịnh Bắc Bộ chứng tỏ hoạt động khai thác nguồn lợi thủy sản ở Vịnh Bắc Bộ luôn là nguyên nhân gây nên những tranh chấp, mâu thuẫn và bất hòa giữa Trung Quốc với Chính phủ Thuộc địa Pháp. Đồng thời, nó cũng thể hiện sự bất đồng về quyền lợi và sự không thống nhất quan điểm quản lý hành chính đối với vùng lãnh hải thuộc Vịnh Bắc Bộ. Điều này cho thấy sự không rõ ràng trong cả nội dung được diễn đạt trong Công ước năm 1887 có liên quan tới Vịnh Bắc Bộ lẫn trong quản lý trên thực tế của chính phủ 2 nước.

Tuy nhiên, phải khá lâu sau đó, chính phủ Pháp mới áp dụng ở Đông Dương khái niệm về “*vùng lãnh hải*” theo quan niệm hiện hành ở một số nước phương Tây lúc đó. Năm 1926, Chính phủ Thuộc địa áp dụng ở Đông Dương giới hạn về lãnh hải của một quốc gia ven biển không vượt quá 3 hải lý (8) tính từ bờ biển và sau đó đến năm 1936 thì lãnh hải được áp dụng là không quá 10 hải lý tính từ đường cơ sở.

Như vậy có thể khẳng định rằng, cho đến khi kết thúc thời kỳ thuộc địa, không có thêm bất cứ một văn bản nào được ký kết giữa Pháp và Trung Quốc đề cập tới Vịnh Bắc Bộ (9). Nhiều chuyên gia Pháp nghiên cứu về Việt Nam đều cho rằng Công ước Pháp - Thanh năm 1887 đã phân chia

“*biên giới*” trên Vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc. Lập luận này được các nhà nghiên cứu đưa ra dựa trên cơ sở của cách diễn đạt “*tạo thành đường biên giới (formant la frontière)*” được sử dụng trong Khoản 3 của Hiệp ước cũng như được chú giải trong bản đồ đi kèm. Nhà sử học Charles Fourniau đã đưa ra nhận xét: “*Công ước 1887 đã phân định biên giới trên biển giữa Việt Nam và Trung Quốc và các đảo ven bờ*” (10); một chuyên gia khác về Việt Nam, François Joyaux đã chỉ rõ: ô Công ước Pháp-Thanh đã phân định 38% lãnh hải Vịnh Bắc bộ thuộc về phía Trung Quốc và 62% diện tích còn lại thuộc về Việt Nam (11). Tuy nhiên, sự không rõ ràng trong việc áp dụng trên thực tế những quy định về lãnh hải ở thời kỳ đó cũng như cách diễn đạt khá mơ hồ cả trong Công ước năm 1887 lẫn đường vẽ trên bản đồ đã gây nên những sự bất đồng về quan điểm giữa Trung Quốc và Việt Nam trong quá trình phân định Vịnh Bắc Bộ và cũng có thể được coi là nguyên nhân chính đưa tới việc kéo dài quá trình phân định Vịnh Bắc Bộ sau này.

2. Quá trình phân định Vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc từ 1954 đến nay

2.1. Bước khởi đầu của quá trình phân định (1954-1973)

Sự ra đời của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (10-1949) đánh dấu một mốc quan trọng trong quan hệ hai nước. Một giai đoạn tốt đẹp của mối quan hệ được bắt đầu. Mặc dù vậy, vấn đề biên giới giữa hai nước luôn là một trong những trở ngại và những vấn đề khó giải quyết. Cả hai bên không thể thống nhất ý kiến với nhau về nền tảng pháp lý trong việc phân định biên giới Việt Nam - Trung Quốc cả ở đất liền và

trên biển, trong đó bao gồm cả Vịnh Bắc Bộ. Ngay từ khi vấn đề được đưa ra, cả hai bên đã bộc lộ những quan điểm trái ngược.

Phía Việt Nam cho rằng Công ước Pháp - Thanh năm 1887 không chỉ phân định biên giới đất liền giữa Bắc Bộ với ba tỉnh phía Nam của Trung Quốc mà còn phân định biên giới ở Vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc. Lập luận này dựa trên cơ sở cách diễn đạt trong Công ước với cách sử dụng thuật ngữ "*tạo lập đường biên giới*" trong Khoản 3 của Công ước.

Tuy nhiên, phía Trung Quốc đưa ra quan điểm ngược lại, khẳng định Vịnh Bắc Bộ chưa bao giờ được phân định đường biên giới. Họ cho rằng Công ước 1887 chỉ có mục đích là phân định quyền sở hữu của hai bên đối với các đảo trong Vịnh Bắc Bộ chứ không có mục đích là phân định đường biên giới, bởi sẽ là không hợp lí khi cho rằng thời kỳ đó, người Pháp muốn phân định rõ ràng biên giới ở Vịnh Bắc Bộ và coi gần 2/3 lãnh hải ở Vịnh Bắc Bộ là biển nội địa của mình, trong khi họ đang áp dụng giới hạn lãnh hải của một quốc gia ven biển không vượt quá 3 hải lý và đang ra sức duy trì và khuyến khích các nước áp dụng "*tự do trên mặt biển*" (12).

Mặc dù có những bất đồng trong quan niệm về phân định Vịnh Bắc Bộ, tuy nhiên trong một thời gian dài, do nhiều yếu tố khác nhau, vấn đề này không được cả hai bên đưa ra đàm phán một cách cụ thể. Trong thời điểm đó, Trung Quốc luôn giữ thái độ thận trọng tới mọi vấn đề có liên quan đến Vịnh Bắc Bộ. Điều này được thể hiện thông qua hành động của Trung Quốc có liên quan đến "*Sự kiện Vịnh Bắc Bộ*" vào tháng 8-1964. Ngay sau khi Mỹ bắt đầu ném bom xuống các tỉnh ven biển Bắc Bộ, ngày 7-8-1964, Chính phủ Trung Quốc ra tuyên bố khẳng định sẵn sàng ủng hộ

Việt Nam hành động chống lại sự leo thang của Mỹ (13). Tuy nhiên, lời tuyên bố đó đã không là hiện thực khi vào ngày 24-4-1965, Tổng thống Mỹ L. Johnson công bố phạm vi vùng chiến sự ở Vịnh Bắc Bộ và sử dụng đường kinh tuyến 108°03 E làm ranh giới thì phía Việt Nam lên tiếng phản đối mạnh mẽ, trong khi chính phủ Trung Quốc lựa chọn thái độ im lặng (14).

Mặc dù luôn bất đồng quan điểm về đường kinh tuyến 108°03 E phân định Vịnh Bắc Bộ, song trong cả ba Hiệp định Hợp tác nghề cá ở Vịnh Bắc Bộ được ký giữa Việt Nam và Trung Quốc từ năm 1957 đến năm 1963, thì đường kinh tuyến này đều được sử dụng làm đường phân chia ranh giới khu vực khai thác và khu vực cứu hộ tàu thuyền trong Vịnh giữa hai nước. Với ba Hiệp định này, Việt Nam mở rộng việc khẳng định chủ quyền lãnh hải của mình trong Vịnh Bắc Bộ từ 3 hải lý với Hiệp định năm 1957 lên 12 hải lý với Hiệp định năm 1963 (15).

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện khai thác chung, giữa ngư dân Việt Nam và Trung Quốc đã nảy sinh những bất đồng liên quan tới ranh giới khu vực đánh cá của cả hai bên. Mâu thuẫn ngày càng tăng bắt đầu từ năm 1969, khi Mỹ ngừng ném bom miền Bắc và cùng với đó là hoạt động khai thác tài nguyên ở Vịnh Bắc Bộ được phía Trung Quốc đẩy mạnh. Hàng loạt những vụ va chạm giữa ngư dân Việt Nam và ngư dân Trung Quốc xảy ra có liên quan tới việc phía Trung Quốc tiến hành hoạt động đánh cá đã vi phạm vào những quy định chung của Hiệp định về phạm vi lãnh hải và trọng tải tàu đánh cá (16).

Trước tình hình đó, ngày 13-4-1971, Bộ Ngoại giao Việt Nam gửi Công hàm tới Bộ Ngoại giao Trung Quốc đề nghị mở lại đàm phán về việc cùng hợp tác khai thác tài

nguyên ở Vịnh Bắc Bộ (17). Phía Việt Nam mong muốn ký được một Hiệp định mới với mục đích mở rộng chủ quyền lãnh hải trong Vịnh, để đảm bảo an ninh bờ biển của Việt Nam và bảo vệ được nguồn tài nguyên trong Vịnh do đó đã đề nghị mở rộng diện tích vùng đánh cá của Việt Nam trong Vịnh từ 25 đến 60 dặm (18). Bộ Ngoại giao Trung Quốc đồng ý bắt đầu tiến trình đàm phán, song trên thực tế thì hoạt động này đã không diễn ra bởi những hoạt động leo thang bắn phá miền Bắc của Mỹ. Chính vì vậy, không có thêm một Hiệp định nào được ký kết về vấn đề hợp tác khai thác tài nguyên ở Vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc trong giai đoạn này.

Như vậy, trong giai đoạn 1954-1973, đường biên giới trong Vịnh Bắc Bộ luôn là vấn đề khúc mắc giữa hai nước. Tuy nhiên, cả hai chưa đưa vấn đề này ra đàm phán một cách trực tiếp. Trong những trường hợp hợp tác cụ thể, đường phân định Vịnh Bắc Bộ trong công ước Pháp-Thanh vẫn được sử dụng làm đường phân chia ranh giới. Việt Nam, trong giai đoạn này, thông qua những Hiệp định hợp tác nghề cá, đã từng bước mở rộng được chủ quyền lãnh hải của mình trong Vịnh Bắc Bộ, tạo được những cơ sở pháp lý đầu tiên cho quá trình đàm phán phân định biên giới sau này.

2.2. Những bất đồng trong quá trình đàm phán (1973-1991)

Vấn đề Vịnh Bắc Bộ trở thành mối quan tâm ngay sau khi Hiệp định Paris được ký kết. Việt Nam đã không bỏ lỡ thời cơ thuận lợi có được sau Hiệp định để xúc tiến việc khai thác tài nguyên ở Vịnh Bắc Bộ. Tháng 4-1973, Việt Nam tiến hành đàm phán với *Tập đoàn Năng lượng Quốc gia Italia* nhằm chuẩn bị cho việc thăm dò và khai thác năng lượng ở Vịnh Bắc Bộ. Tuy nhiên, cản trở chính là việc phân định chưa rõ

ràng về chủ quyền của Việt Nam và Trung Quốc ở Vịnh Bắc Bộ. Để giải quyết vấn đề này, tháng 9-1973, Việt Nam chủ động đề nghị Trung Quốc tiến hành đàm phán về vấn đề biên giới ở Vịnh Bắc Bộ (19).

Tuy nhiên, phải chờ đến đầu năm 1974 thì lời đề nghị của phía Việt Nam mới được Trung Quốc chấp nhận. Sự chậm trễ này xuất phát từ nhiều yếu tố, song một trong những lý do cơ bản chính là những toan tính của họ đối với các quần đảo ở Biển Đông. Ngày 18-1-1974, phía Trung Quốc tuyên bố chấp nhận lời đề nghị mở đàm phán của Việt Nam song với điều kiện không có bất cứ quốc gia thứ 3 nào được phép tiến hành những hoạt động thăm dò và khai thác năng lượng ở khu vực vùng đệm giữa Vịnh Bắc Bộ (20). Đây cũng chính là ngày Trung Quốc cho lực lượng quân đội đổ bộ lên quần đảo Hoàng Sa, tấn công quân đồn trú của Chính quyền Sài Gòn đóng trên đảo và xâm chiếm toàn bộ quần đảo. Để có thể mở được đàm phán, phía Việt Nam đồng ý hủy tất cả những thỏa thuận hợp tác khai thác ở Vịnh Bắc Bộ được tiến hành vài tháng trước đó với các công ty dầu khí nước ngoài. Mặc dù vậy, đàm phán được mở ra trong bối cảnh mối quan hệ hai bên đang diễn tiến theo chiều hướng xấu bởi hành động xâm phạm chủ quyền lãnh hải của Trung Quốc đối với Việt Nam. Đối với Việt Nam, hành động của Trung Quốc đã vi phạm vào chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam và vi phạm vào những quy định của luật pháp quốc tế (21). Trên thực tế, mối quan hệ Việt Nam-Trung Quốc đã bộc lộ những bất đồng ngay từ khi Trung Quốc và Mỹ sử dụng "*quân bài Việt Nam*" để tiến tới ký kết "*Thông cáo Thượng Hải*" năm 1972. Chính vì vậy, ngay từ vòng đàm phán cấp Thứ trưởng Bộ Ngoại giao đầu tiên được tiến hành tại Bắc Kinh ngày 15-8-1974, cả hai bên đã có những bất đồng

sâu sắc về quan điểm giải quyết đường biên giới trong Vịnh. Phía Việt Nam luôn giữ quan điểm cho rằng đường biên giới trong Vịnh Bắc Bộ đã được phân định bởi Công ước Pháp - Thanh năm 1887 và Công ước bổ sung năm 1895, do đó, cần phải tiến hành đàm phán đồng thời vấn đề biên giới đất liền Việt Nam-Trung Quốc và biên giới trong Vịnh Bắc Bộ. Ngược lại, Trung Quốc vẫn giữ nguyên quan điểm từ trước đó, cho rằng "sẽ là không công bằng nếu lấy đường đường kinh tuyến 108°03E làm đường biên giới trong Vịnh Bắc Bộ, bởi nếu như thế thì phần lớn diện tích Vịnh thuộc về Việt Nam" (22) và đề nghị giải quyết riêng rẽ vấn đề biên giới đất liền và biên giới Vịnh.

Vòng đàm phán đầu tiên luôn nằm trong tình trạng bế tắc và thực trạng này cũng thể hiện sự bất đồng quan điểm của lãnh đạo cấp cao nhất ở cả hai bên và cũng là biểu hiện của mối quan hệ Việt Nam-Trung Quốc ngày một xấu đi. Trên thực tế, từ năm 1975 đến 1977, trong các cuộc gặp gỡ cấp cao nhất giữa 2 chính phủ, vấn đề biên giới ở Vịnh Bắc Bộ đều được đề cập tới, tuy nhiên, phía Trung Quốc vẫn giữ nguyên quan điểm cho rằng cần phải phân định Vịnh Bắc Bộ theo quy định của luật quốc tế và "đây là công việc riêng chỉ của Trung Quốc và Việt Nam. Trung Quốc không chấp nhận sự tham gia của bất cứ một nước thứ 3 nào, kể cả Nhật Bản lẫn Liên Xô trong quá trình đàm phán" (23).

Vòng đàm phán thứ 2 về vấn đề biên giới được mở ra từ tháng 10-1977 đến tháng 6-1978 tại Bắc Kinh theo đề nghị từ phía Trung Quốc. Trước những bất đồng về các quan điểm mấu chốt như ở vòng đàm phán đầu tiên, phía Việt Nam chấp nhận tạm thời gác lại vấn đề Vịnh Bắc Bộ, để tiến tới đàm phán trước hết về phân định biên giới đất liền. Mặc dù vậy, trong vòng 8

tháng đàm phán, cả hai bên đều không đạt tới một kết quả thống nhất chung nào. Chiến tranh biên giới phía Bắc tháng 2-1979 đã cắt đứt vòng đàm phán thứ 2 và chỉ được nối lại vào ngày 18-4-1979, một tháng sau khi Trung Quốc rút quân đội ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. Phía Việt Nam đề nghị hai bên giải quyết vấn đề Vịnh Bắc Bộ trên quan điểm coi là "vấn đề lịch sử để lại". Tuy nhiên, đề nghị này đã gặp phải sự phản đối quyết liệt từ phía Trung Quốc. Do đó, đàm phán về đường biên giới trong Vịnh Bắc Bộ luôn nằm trong tình trạng bế tắc (24).

Tuy không tìm được tiếng nói chung trong đàm phán giữa 2 bên, song Trung Quốc cũng đã không chậm trễ xúc tiến ký kết hợp đồng thăm dò và khai thác dầu khí trong Vịnh Bắc Bộ với các công ty nước ngoài bắt đầu từ tháng 4-1979 với phạm vi khu vực khai thác vi phạm vào vùng đang tranh chấp giữa Việt Nam và Trung Quốc. Tháng 11-1979, Công ty Amoco của Mỹ bắt đầu tiến hành những hoạt động thăm dò đầu tiên ở Vịnh Bắc Bộ; tháng 7-1982, tập đoàn Dầu khí Total tìm thấy dầu khí ở giếng dầu đầu tiên (25). Kết quả này đã thôi thúc phía Trung Quốc xúc tiến mạnh mẽ hơn nữa những hoạt động khai thác trong Vịnh. Bản vẽ được phía Trung Quốc đưa ra vào năm 1988 để ký kết hợp đồng cùng thăm dò khai thác với Công ty dầu khí Canada đã vẽ một đường giới hạn khu vực thăm dò dầu khí chiếm trọn 3/4 diện tích tranh chấp giữa Việt Nam và Trung Quốc (26).

Những hành động nêu trên của Trung Quốc đã vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc đã được đề ra giữa hai bên và ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của Việt Nam. Ngay từ năm 1979, Việt Nam đã lên tiếng phản đối quyết liệt việc Trung Quốc cho bên thứ 3 vào thăm dò dầu khí ở khu vực tranh

chấp của cả hai bên; năm 1982, Việt Nam chính thức tuyên bố coi lãnh hải phía Tây của đường kinh tuyến 108°03E là "vùng nước lịch sử" của mình; ngày 12-11-1982, Việt Nam lên tiếng khẳng định chủ quyền của mình đối với lãnh hải, vùng tiếp giáp và vùng đặc quyền kinh tế (27). Những hành động này cũng gặp phải sự phản đối gay gắt từ phía Trung Quốc.

Như vậy, trong giai đoạn từ năm 1973 đến năm 1991, vấn đề Vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc vẫn luôn nằm trong tình trạng bế tắc và trở nên trầm trọng hơn từ năm 1979. Những hành động và tuyên bố đơn phương của mỗi bên liên quan tới Vịnh Bắc Bộ càng làm cho mối quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc trở nên căng thẳng hơn.

2.3. Quá trình đàm phán giải quyết vấn đề Vịnh Bắc Bộ từ 1991 đến nay

Bình thường hóa quan hệ Việt Nam - Trung Quốc năm 1991 là cơ sở quan trọng để thúc đẩy việc giải quyết về biên giới Việt Nam - Trung Quốc nói chung và biên giới trong Vịnh Bắc Bộ nói riêng. Từ năm 1991 đến năm 1995, nhiều cuộc đàm phán đã được mở ra giữa hai bên ở nhiều cấp khác nhau, tuy nhiên, trong hai năm đầu tiên (1991-1993), cả hai bên không đạt được bất cứ một thỏa thuận nào ngoài những cáo buộc lẫn nhau về việc vi phạm ranh giới phân định trong Vịnh (28).

Trong chuyến thăm chính thức của Thủ tướng Trung Quốc Lý Bằng tới Hà Nội năm 1993, cả hai bên đã đạt được thỏa thuận về những nguyên tắc cơ bản đối với việc giải quyết vấn đề biên giới giữa hai nước mà một trong những nội dung cốt lõi của nó là dựa trên cơ sở của Công ước Quốc tế về Luật biển năm 1982 (29). Đây được coi là bước khởi đầu quan trọng, mở đường cho quá trình đàm phán về những vấn đề biên

giới và lãnh thổ giữa hai bên. Liên quan tới vấn đề Vịnh Bắc Bộ, cả hai bên thống nhất sẽ giải quyết "dựa trên cơ sở luật pháp quốc tế và nghiên cứu những trường hợp thực tế, có tính đến những đặc thù của Vịnh để đạt được một giải pháp công bằng cho cả hai bên" (30).

Như vậy là khác với việc giải quyết vấn đề biên giới đất liền, Công ước Pháp-Thanh 1887 đã không được sử dụng làm cơ sở pháp lý để phân định biên giới trong Vịnh Bắc Bộ (31). Một trong những bất đồng của hai bên trong suốt cả một thời kỳ dài về việc có sử dụng Công ước làm cơ sở lịch sử và pháp lý cho việc phân định hay không đã được gạt bỏ. Tuy nhiên, phải chờ cho tới khi Việt Nam gia nhập ASEAN thì vấn đề Vịnh Bắc Bộ với thực sự được xúc tiến mạnh mẽ. Năm 1995, Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN đã làm thay đổi vị thế của mình với khu vực và tác động trực tiếp tới việc phân định biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc. Nhận thấy sự thay đổi vai trò của Việt Nam trong khu vực, nhất là đối với việc giải quyết những tranh chấp giữa Trung Quốc với các nước trong khu vực về chủ quyền của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, Trung Quốc đã chủ động đề nghị Việt Nam nối lại đàm phán về Vịnh Bắc Bộ đầu năm 1996. Tháng 3-1996, đàm phán hai bên chính thức bắt đầu. Bắc Kinh đưa ra phương án "chia đôi" Vịnh Bắc Bộ với lãnh hải mỗi bên là 50% diện tích Vịnh và có thể điều chỉnh chút ít về phía Việt Nam (32). Trung Quốc cũng đề nghị nối lại đàm phán hai bên về Hợp tác nghề cá trong Vịnh và coi đó như là nền tảng cơ bản để giải quyết các vấn đề khác. Tuy nhiên, Việt Nam không chấp nhận quan điểm này bởi vẫn muốn sử dụng đường phân định trong Công ước 1887 để làm cơ sở phân chia, mặt khác không muốn giải quyết gộp vấn đề phân chia biên giới-mang tính chiến lược

và lâu dài-với vấn đề hợp tác nghề cá-mang tính kinh tế và ngắn hạn.

Từ 1996 đến 2000, hàng loạt các phiên đàm phán giữa hai bên đã diễn ra song vẫn không đạt được một quan điểm chung. Trong chuyến thăm Trung Quốc của Thủ tướng Phan Văn Khải vào tháng 9-1998, Thủ tướng Trung Quốc Chu Dung Cơ vẫn khẳng định về việc phân định Vịnh Bắc Bộ theo phương án "*chia đôi (50/50) và có thể được điều chỉnh, song phần diện tích thuộc về Việt Nam không thể quá lớn*".

Bắt đầu từ cuối năm 1999, tiến trình đàm phán về phân định biên giới Vịnh Bắc Bộ có những bước tiến đáng kể bởi cả hai bên đều có sự điều chỉnh về quan điểm và tiến tới được những thỏa thuận phù hợp với cả hai phía. Phía Việt Nam từ bỏ quan điểm đã theo đuổi từ nhiều năm trước về việc coi đường kinh tuyến 108°03 E trong Công ước 1887 là cơ sở cơ bản để phân chia lại Vịnh Bắc Bộ, mà đề nghị cách phân chia mới theo "*phương pháp đường trung tuyến*" có tính đến các đảo dang thuộc sở hữu của các bên, đồng thời chấp nhận giải pháp mà Trung Quốc đưa ra là tiến hành đàm phán đồng thời vấn đề phân định biên giới và hợp tác nghề cá (33).

P phía Trung Quốc cũng chấp nhận từ bỏ yêu sách "*chia đôi*" Vịnh Bắc Bộ mà họ đã kiên trì theo đuổi trong một thời gian dài và chấp nhận phương án phân chia Vịnh Bắc Bộ mà phía Việt Nam đề xuất. Việc cả hai bên cùng chấp thuận từ bỏ những yêu sách cũ của mình và đạt được tiếng nói chung được đánh giá là xuất phát từ nhiều yếu tố khác nhau trong đó những kết quả đạt được trong tiến trình đàm phán về biên giới đất liền đang được song song tiến hành và những tính toán về quyền lợi ở Biển Đông có tác động không nhỏ.

Việc đạt được thỏa thuận cơ bản đã đưa tiến trình đàm phán phân định Vịnh Bắc Bộ nhanh chóng đạt được kết quả nhất là sau khi Hiệp ước phân định biên giới trên đất liền giữa Việt Nam và Trung Quốc được ký kết vào ngày 30-12-1999. Cùng với đó, đàm phán về Hợp tác nghề cá trong Vịnh cũng được nối lại và cả hai bên đã đạt được thỏa thuận thiết lập một "*khu vực đánh cá chung*" có diện tích 33.500 km² (khoảng 27,9% toàn bộ diện tích Vịnh Bắc Bộ) (34).

Ngày 25-12-2000, tại Bắc Kinh, dưới sự chứng kiến của Chủ tịch nước Việt Nam Trần Đức Lương và Chủ tịch nước Trung Quốc Giang Trạch Dân, "*Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định hợp tác nghề cá giữa Việt Nam-Trung Quốc trong Vịnh Bắc Bộ*" được ký kết. Ngày 15-6-2004, Quốc hội Việt Nam phê chuẩn Hiệp ước, phía Trung Quốc cũng phê chuẩn vài ngày sau đó. Ngày 30-6-2004, hai bên tiến hành trao đổi Nghị định thư phê chuẩn, Hiệp ước chính thức có hiệu lực.

*

Như vậy, "*Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc*" là Hiệp định phân định lãnh hải thứ 2 được ký kết sau Hiệp định ký với Thái Lan năm 1997 kể từ khi Việt Nam tham gia Công ước Quốc tế luật biển 1982. Hiệp định đã phân định rõ ràng biên giới trong Vịnh Bắc Bộ với 53,23% diện tích Vịnh thuộc về Việt Nam và 46,77% diện tích thuộc về Trung Quốc. Những điểm gây tranh cãi giữa hai bên từ trong lịch sử, như đảo Bạch Long Vĩ hay đảo Cồn Cỏ, cũng được giải quyết thỏa đáng (35). Trên thực tế, vấn đề Vịnh Bắc Bộ mang tính chất phức tạp bởi nó không chỉ đơn thuần liên quan tới Việt Nam và Trung Quốc mà còn là vấn đề "*lịch sử để lại*" với cách nhìn nhận khác biệt của hai bên. Quá trình phân định Vịnh Bắc Bộ

giữa Việt Nam và Trung Quốc diễn ra trong một thời gian khá dài (27 năm) thực chất là quá trình tìm kiếm một quan điểm chung về "đường kinh tuyến 108°03 E" được nhắc tới trong Công ước Pháp-Thanh 1887. Thêm vào đó, trong quá trình giải quyết, vấn đề Vịnh Bắc Bộ lại bị tác động bởi các yếu tố khác như sự thăng trầm trong quan hệ Việt-Trung, quá trình phân định biên giới trên bộ và những vấn đề có liên quan

tới hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa ở biển Đông đã làm cho vấn đề phức tạp hơn rất nhiều. Mặc dù vậy, Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc được ký kết đã giải quyết được một trong hai vấn đề về chủ quyền lãnh hải luôn tồn tại giữa hai bên. Hiệp định cũng là tiền đề để Việt Nam và Trung Quốc tiến tới giải quyết những bất đồng trong vấn đề Biển Đông.

CHÚ THÍCH

(1). Đường kinh tuyến Paris 105°43' tương đương với đường kinh tuyến đông Greenwich 108°03' được quốc tế công nhận vào năm 1884. Trong bài viết, ngoài nội dung trích dẫn phải giữ nguyên cách sử dụng, tác giả sử dụng cách gọi theo kinh tuyến Greenwich (TG).

(2). Journal Officiel francais (JOF), le 22 octobre 1896, "Convention relative à la délimitation de la frontière entre la Chine et le Tonkin, signé à Pékin, le 26 juin 1887" (Công Báo Pháp, ngày 22-10-1896, "Công ước về việc phân định biên giới giữa Trung Quốc và Bắc Kỳ, ký tại Bắc Kinh, ngày 26-6-1887".

(3). Công ước Pháp - Thanh năm 1887 phân định biên giới đất liền giữa Trung Quốc và Bắc Kỳ ở ba khu vực: Quảng Đông, Quảng Tây và Vân Nam. Vấn đề Vịnh Bắc Bộ được giải quyết trong nội dung phân định biên giới Quảng Đông.

(4). Journal Officiel de l'Indochine française (JOIF), le 2 juin 1892, pp. 212-213 (Công Báo Đông Dương thuộc Pháp, ngày 2-6-1892, tr. 212-213).

(5). Journal Officiel de l'Indochine française (JOIF), le 2 juin 1892, l'article 12, p. 231 (Công báo Đông Dương thuộc Pháp, ngày 2-6-1892, khoản 12, tr. 231).

(6). R.Abor, *Traités et Conventions du droit international intéressant l'Indochine*, Paris, 1935, p. 72 (R.Abor, *Hiệp định và Công ước luật quốc tế liên quan tới Đông Dương*, Paris, 1935, tr. 72).

(7). JOIF, le 26 octobre 1899, p. 736 (Công báo Đông Dương thuộc Pháp, ngày 26-10-1899, tr. 736).

(8). Khoảng 5,6km. Công ước Liên hiệp quốc về Luật biển năm 1982 đã quy định thống nhất các quốc gia ven biển có quyền ấn định chiều rộng lãnh hải không quá 12 hải lý (khoảng 22,2km) tính từ đường cơ sở. Xem thêm ở http://www.en.wikipedia.org/wiki/United_Nation_Convention_on_the_Law.

(9), (10). Charles Fourniau, "La frontière sino-vietnamienne et le face à face franco-chinois à l'époque de la conquête du Tonkin", dans P.B. LAFONT, *Les frontières du Vietnam - Histoire des frontières de la péninsule indochinoise*, Harmattan, Paris, 1989, p. 93. (Charles Fourniau, "Biên giới Trung Quốc-Việt Nam và sự đối đầu Pháp-Thanh trong thời kỳ chinh phục Bắc Kỳ", trong P.B. Lafont, *Biên giới Việt Nam - Lịch sử các đường biên giới thuộc bán đảo Đông Dương*, Nxb. Harmattan, Paris, 1989, tr. 93).